viettel
IDC

Datasheet

VIETTEL CLOUD FIREWALL

Datasheet
VIETTEL CLOUD FIREWALL

Đăng ký ngay

TỔNG QUAN

Viettel Cloud Firewall là dịch vụ tường lửa thế hệ mới (Machine Learning Powered Next Generation Firewall), giải pháp bảo vệ mạnh mẽ đám mây của khách hàng từ các hãng bảo mật hàng đầu thế giới. Giải pháp tường lửa Viettel Cloud Firewall cho phép khách hàng quản trị, thiết lập các chính sách bảo mật một cách đơn giản, đảm bảo an toàn cho dữ liệu của khách hàng trên môi trường điện toán đám mây.

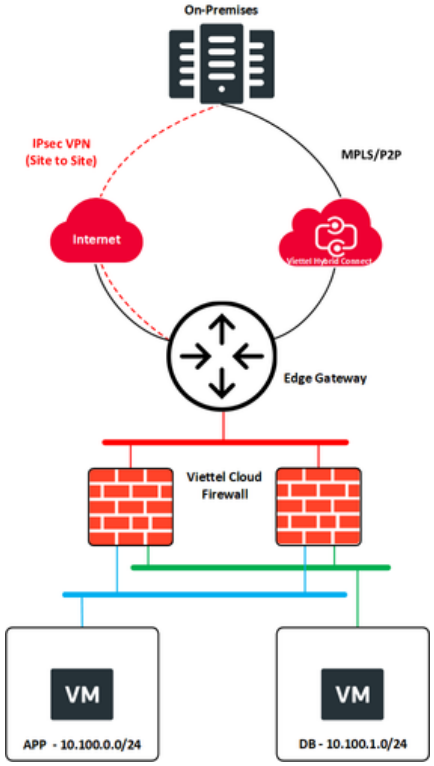

ĐIỂM NỔI BẬT

- Giải pháp bảo vệ mạnh mẽ cho các dịch vụ trên nền tảng đám mây với tường lửa thế hệ mới. Cung cấp các tính năng bảo mật đến lớp ứng dụng.
- Các dữ liệu về virus, lỗ hổng bảo mật được tự động cập nhật liên tục.
- Có khả năng phân biệt hàng nghìn ứng dụng để thực thi theo chính sách.
- Khả năng kết nối an toàn từ xa cho người dùng với các tính năng IPsec VPN, SSL VPN.
- Cung cấp khả năng dự phòng (High-Availability) dựa theo nhu cầu của khách hàng.
- Các cấu hình tùy chọn dựa theo quy mô của hệ thống.
- Giao diện quản trị đơn giản, thân thiện với người dùng.
- Cho phép nhanh chóng mở rộng hạ tầng tại thời điểm sử dụng, giúp giảm thời gian lập kế hoạch, triển khai và đẩy nhanh tiến độ đưa dịch vụ của doanh nghiệp vào khai thác.

TÍNH NĂNG CHÍNH

Next-Generation Firewall

Cung cấp các tính năng tường lửa nâng cao với hiệu năng mạnh mẽ:

- Kiểm tra gói tin sâu (deep-packet)
- Nhận diện, kiểm soát ứng dụng (Application Control)
- Nhận dạng, quản lý người dùng
- Phát hiện và ngăn chặn các mối đe doạ nâng cao (URL Filtering, bảo mật DNS, bảo mật IoT). Đối với các mối đe dọa chưa biết, cho phép gửi nội dung thực thi đến một đám mây "sandbox" để phân tích
- Ngăn chặn phần mềm độc hại dựa trên công nghệ Machine Learning

Tính năng về Networking

- Hỗ trợ IPv4/IPv6
- Định tuyến tĩnh và các giao thức định tuyến động như BGP, OSPF...
- Định tuyến dựa theo chính sách (Policy Based Routing)
- SD-WAN
- VPN Site to Site, Client to Site: IPsec và SSL
- Hỗ trợ các tính năng NAT, PAT
- Hỗ trợ QoS
- Hỗ trợ Application Load Balancing

Các tính năng khác

- Định nghĩa hoặc tự định nghĩa các Zone: Address/Service Object, Application, Security Profile
- Hỗ trợ tính năng HA (High Availability)
- Hỗ trợ các tính năng giám sát như Syslog, SNMP, Netflow
- Hỗ trợ gửi cảnh báo qua email

Các tính năng tùy theo gói sản phẩm

- Phát hiện, ngăn chặn virus, mã độc
- Phát hiện, ngăn chặn xâm nhập trái phép
- Lọc trang Web, phân loại trang Web theo nhiều chủ đề
- Phát hiện, ngăn chặn phần mềm độc hại
- Ngăn chặn thư rác, spam
- Lọc File và dữ liệu
- DNS Filtering/DNS Security
- Phát hiện mã độc chưa xác định được bằng Sandbox

Phù hợp với nhiều giải pháp khách hàng đang sử dụng

- Viettel Cloud Server: Cung cấp giải pháp bảo mật nâng cao bảo vệ các máy chủ của khách hàng với các mối đe dọa từ bên ngoài.
- Viettel Virtual Private Cloud (vVPC), Viettel Dedicated Private Cloud (vDPC): Bảo vệ, kiểm soát dữ liệu theo chiều Bắc-Nam (Ra-Vào hệ thống) và dữ liệu theo chiều Đông-Tây (Giữa các máy chủ trong hệ thống).

CÁC DÒNG SẢN PHẨM VIETTEL CLOUD FIREWALL

1. Viettel Cloud Firewall VMware Native

Viettel Cloud Firewall VMware Native là tường lửa tích hợp sẵn trên nền tảng Cloud của VMware, quản trị trực tiếp trên Cloud Portal của khách hàng.

Viettel Cloud Firewall VMware Native cung cấp khả năng bảo vệ toàn bộ lưu lượng East-West và North-South.

Khác biệt với các giải pháp Cloud Firewall thông thường. Trong kiến trúc phân tán (Distributed Architecture), các tính năng Routing/Firewall được tích hợp trực tiếp vào Hypervisor và được triển khai trực tiếp trên mỗi Compute Node. Kiến trúc này loại bỏ bottleneck vốn là nhược điểm chung của kiến trúc ảo hóa và tăng khả năng mở rộng của hệ thống.

- Tính năng Distributed Firewall giúp bảo vệ lưu lượng nội bộ giữa các máy ảo ngay trong cùng một segment.
- Tính năng Advanced Threat Prevention bao gồm phát hiện và phòng chống xâm nhập (IDS/IPS), phát hiện và phòng chống mã độc (Distributed Malware Detection and Prevention)... mang đến cho khách hàng các cao cấp của NGFW ngay trên Viettel Cloud Firewall VMware Native.

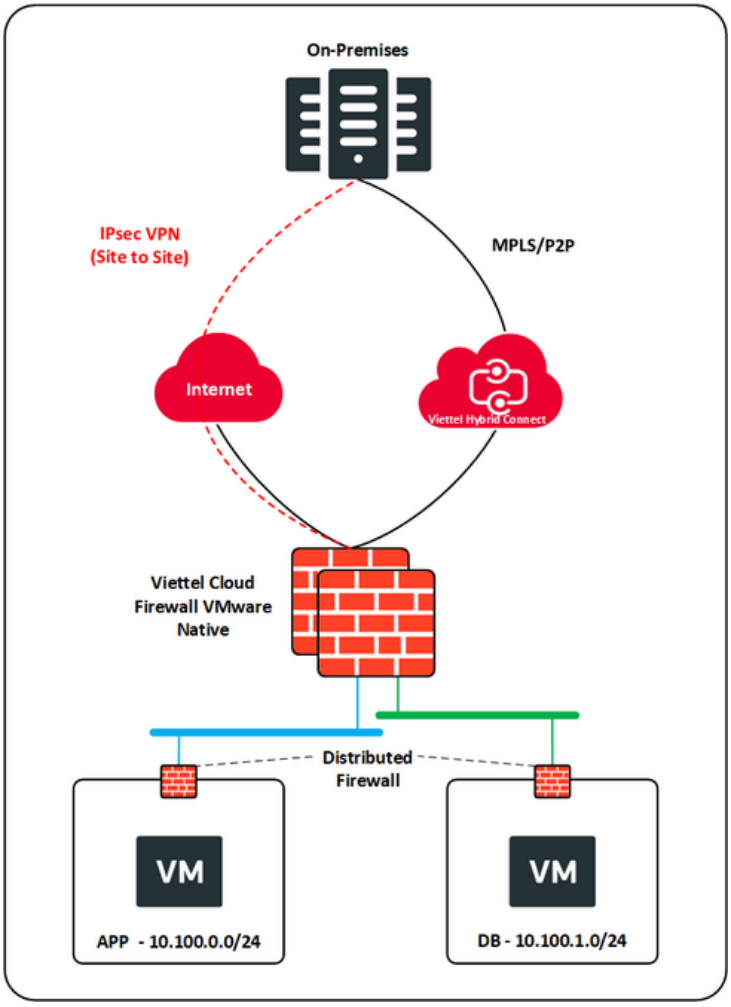

GÓI CƯỚC	THROUGHPUT
STANDARD 1	300 Mbps
STANDARD 2	1 Gbps
STANDARD 3	2 Gbps
STANDARD 4	4 Gbps
STANDARD 5	8 Gbps
STANDARD 6	12 Gbps
ADVANCE 1	300 Mbps
ADVANCE 2	1 Gbps
ADVANCE 3	2 Gbps
ADVANCE 4	4 Gbps
ADVANCE 5	8 Gbps
ADVANCE 6	12 Gbps
GÓI CƯỚC	**vCPU**
PREMIUM 1	1
PREMIUM 2	10
PREMIUM 3	100

Tính năng	STANDARD	ADVANCE
Networking Services: • Distributed Routing • IPv4 and IPv6 Static Routing • NAT • Site to site: IPSec VPN • Distributed Routing	Có	Có
Gateway Security: • Stateless L3 Rules	Có	Có
Gateway Security Advanced: • Stateful L3 Rules	Có	Có
Gateway Security Advanced: • Basic L7 Application Identification Rules • Advanced L7 Application Identification Rules • URL Filtering	Coming Soon	Coming Soon
Gateway Advanced Threat Prevention: • Malware Detection • Cloud Sandboxing and Artifact Analysis	Không	Coming Soon

Tính năng	PREMIUM
Distributed Firewall	Coming Soon
Distributed Security Advanced: • Stateful L2 and L3 Rules • Distributed FQDN Filtering • Basic L7 Application Identification Rules • Advanced L7 Application Identification Rules • Malicious IP Filtering	Coming Soon
Distributed Advanced Threat Prevention: • Distributed Intrusion Detection Service (IDS) • Distributed Behavioral IDS • Distributed Intrusion Prevention Service (IPS) • Distributed Malware Detection and Prevention • Cloud Sandboxing and Artifact Analysis	Coming Soon

2. Viettel Cloud Firewall Palo Alto

Gói hiệu năng	VCF1	VCF2	VCF3
Số vCPU hỗ trợ	2	3	4
Bộ nhớ tối thiểu	7 GB	7GB	9 GB
Dung lượng ổ cứng tối thiểu	60 GB	60 GB	60 GB
Thông lượng tường lửa (App-ID)	3 Gbps	4,5 Gbps	6 Gbps
Thông lượng khi bật tính năng Threat Prevention (Threat Prevention Throughput)	1,5 Gbps	2,25 Gbps	3 Gbps
Thông lượng IPsec VPN (IPsec VPN Throughput)	1 Gbps	1 Gbps	1,8 Gbp
Số lượng phiên mới/giây (New Sessions / Second)	15.000	15.000	30.000
Số lượng phiên tối đa	250.000	250.000	819.200
Số lượng chính sách bảo mật (Firewall Policies)	250	1.500	10.000
Số lượng vùng bảo mật	40	40	40
Số lượng đường hầm IPSec VPN (IPSec VPN Tunnels)	1.000	1.000	2.000
Số lượng đường hầm SSL VPN	500	500	2.000
Số lượng Clientless VPN	100	100	400
Số lượng maximum route trong IPv4 forwarding table	5.000	5.000	10.000

- *Tất cả các thông số hiệu năng trên đều dựa trên Datasheet của hãng. Thông số hiệu năng thực tế có thể khác phụ thuộc vào môi trường triển khai VM (cấu hình phần cứng, phiên bản OS...)*
- *Các thông số trên nên được sử dụng làm căn cứ để sizing hệ thống, không phải là các con số chính xác để cam kết về hiệu năng.*

Gói tính năng	BASIC	GOLD	PLATINUM
Tường lửa thế hệ mới ML-Powered NGFW ảo	Có	Có	Có
Nhận dạng ứng dụng	Có	Có	Có
Nhận dạng người dùng	Có	Có	Có
Các tính năng network, routing	Có	Có	Có
Hỗ trợ IPSec VPN Site-to-Site	Có	Có	Có
Hỗ trợ Remote Access/VPN Client (cơ bản)	Có	Có	Có
Lọc file và dữ liệu cơ bản	Có	Có	Có
Anti-Virus	Không	Có	Có
Anti-Spyware	Không	Có	Có
Cấu hình bảo vệ lỗ hổng bảo mật Vulnerability Protection	Không	Có	Có
Phân tích & phòng vệ mã độc chưa xác định/APT bằng sandbox và nâng cao (WildFire)	Không	Không	Có
Lọc web nâng cao (Advanced URL Filtering)	Không	Không	Có
Bảo vệ DNS (DNS Security)	Không	Không	Có
Hỗ trợ Remote Access/VPN nâng cao (clientless VPN, Host check..)- GlobalProtect	Add-on	Add-on	Add-on
Phòng vệ chống thất thoát dữ liệu nâng cao (Enterprise DLP-Inline)	Add-on	Add-on	Add-on
Enterprise IoT Security	Add-on	Add-on	Add-on
SaaS Security (Inline)	Add-on	Add-on	Add-on

3. Viettel Cloud Firewall Fortinet

Thông số hiệu năng	VCF02	VCF04	VCF08
Số vCPU hỗ trợ	2	4	8
Bộ nhớ	6 GB	8 GB	16 GB
Dung lượng ổ cứng	60 GB	80 GB	100 GB
Số lượng chính sách bảo mật (Firewall Policies)	10.000	10.000	200.000
Số lượng phiên mới/giây (New Sessions / Second)	151K	155k	392K
Thông lượng tường lửa khi bật tính năng kiểm soát ứng dụng – Application Control Throughput (HTTP 64K)	2,3 Gbps	5,3 Gbps	9,1 Gbps
Thông lượng tường lửa khi bật tính năng ngăn chặn xâm nhập – IPS Throughput (HTTP 1M)	1,9 Gbps	3,5 Gbps	5,9 Gbps
Thông lượng tường lửa thế hệ mới – NGFW Throughput	1,3 Gbps	2,6 Gbps	4,2 Gbps
Thông lượng khi bật tính năng phòng chống các mối đe dọa – Threat Protection Throughput	0,9 Gbps	1,8 Gbps	3,4 Gbps
Thông lượng SSL VPN Throughput	1,6 Gbps	3,9 Gbps	8,1 Gbps

- *Tất cả các thông số hiệu năng trên đều dựa trên Datasheet của hãng. Thông số hiệu năng thực tế có thể khác phụ thuộc vào môi trường triển khai VM (cấu hình phần cứng, phiên bản OS...)*
- *Các thông số trên nên được sử dụng làm căn cứ để sizing hệ thống, không phải là các con số chính xác để cam kết về hiệu năng.*

Thông số tính năng	BASIC	GOLD	PLATINUM	ENTERPRISE
Firewall	Có	Có	Có	Có
Kiểm soát ứng dụng Application Control	Có	Có	Có	Có
Hỗ trợ IPSec VPN (Client to site, Site to site)	Có	Có	Có	Có
SD-WAN	Có	Có	Có	Có
Ngăn chặn xâm nhập IPS (Intrustion Prevention System)	Không	Có	Có	Có
Ngăn chặn mã độc – AMP (Anti-Malware Protection)	Không	Có	Có	Có
Ngăn chặn mã độc nâng cao – Advanced Malware Protection (Antivirus, Mobile Malware/ Botnet/ CDR – Content Disarm & Reconstruction/ Virus Outbreak Protection)	Không	Có	Có	Có
Phân tích và cô lập các mối đe dọa nâng cao (FortiSandbox Cloud Service)	Không	Có	Có	Có
Lọc và chặn Web (Web Security – URL and web content)	Không	Không	Có	Có
Video and Secure DNS Filtering	Không	Không	Có	Có
Anti-Spam	Không	Không	Có	Có
Phòng vệ chống thất thoát dữ liệu (DPL)	Không	Không	Không	Có
Phát hiện thiết bị lạ không có trong cơ sở dữ liệu của tường lửa (IoT Detection Service)	Không	Không	Không	Có
Ngăn chặn xâm nhập chuyên dụng cho môi trường sản xuất, nhà máy (Industrial Security Service)	Không	Không	Không	Có
Kiểm tra, phân tích mức độ bảo mật, hướng dẫn triển khai nhằm duy trì tính bảo mật (Security Fabric Rating & Compliance)	Không	Không	Không	Có

CÁC MÔ HÌNH ĐIỂN HÌNH

VIETTEL CLOUD FIREWALL FORTINET, PALO ALTO

- Mô hình Standalone tối giản với 01 thiết bị tường lửa chạy chính sử dụng cho các ứng dụng yêu cầu độ sẵn sàng thấp, chi phí rẻ và tối giản trong quản trị. Mô hình này cũng có thể sử dụng để chạy cho các hệ thống ở mức dự phòng.

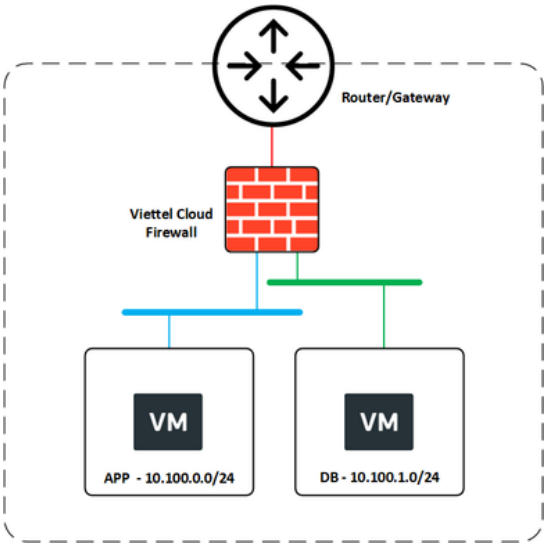

Mô hình Standalone

- Mô hình High-Availability với 01 thiết bị tường lửa chạy chính (Active) và 01 thiết bị tường lửa chạy dự phòng (Passive) sẽ đảm bảo sự hoạt động của hệ thống khi một trong hai thiết bị tường lửa của khách hàng có sự cố. Mô hình này phù hợp với các ứng dụng quan trọng, yêu cầu độ sẵn sàng cao và có tổ chức phức tạp hoặc các hệ thống core chính.

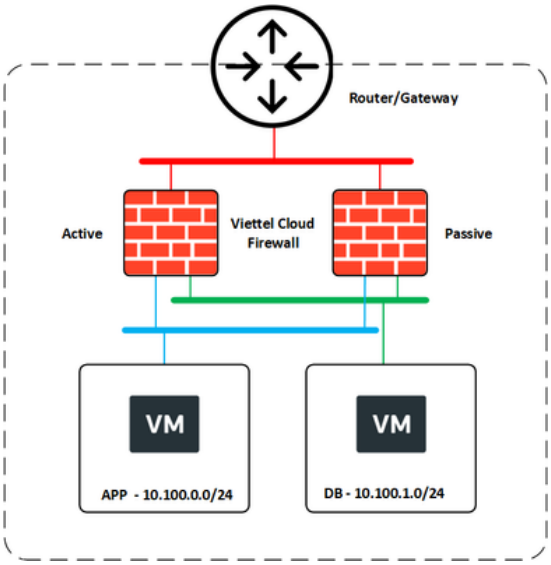

Mô hình High-Availability

TẠI SAO CHỌN VIETTEL IDC?

- **Đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực công nghệ điện toán đám mây**
  Công ty TNHH Viettel - CHT (tên giao dịch: Viettel IDC) thành lập năm 2008 - nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây tiên phong với hệ sinh thái đa dạng nhất tại Việt Nam, với sứ mệnh cung cấp nền tảng tin cậy để khách hàng sáng tạo, bứt phá.
- **Hạ tầng chuẩn Quốc tế**
  Hạ tầng được đặt tại các Trung tâm dữ liệu của Viettel IDC đạt chuẩn TIA-942 Rated 3 Constructed Level, các chứng chỉ quốc tế ISO 9001: 2015, 50001: 2018, các chứng chỉ về bảo mật, an toàn thông tin: ISO 27001: 2013, 27017:2015 (chuyên cho các dịch vụ Cloud) và PCI DSS đảm bảo đáp ứng các tiêu chí khắt khe nhất về hạ tầng, chất lượng dịch vụ và an toàn, bảo mật thông tin.
- **Công nghệ hiện đại, phù hợp xu thế**
  Viettel IDC cam kết áp dụng những công nghệ hiện đại, tốt nhất cho Khách hàng. Với vCF chúng tôi triển khai các công nghệ mới trong lĩnh vực điện toán đám mây: NFV, SDN...
- **Triển khai nhanh chóng**
  Mô hình truyền thống tốn hàng tháng để lập kế hoạch triển khai và hàng tuần thực hiện triển khai. Trong khi đó, mô hình đám mây vCF cho phép nhanh chóng mở rộng hạ tầng tại thời điểm sử dụng. Điều này giúp giảm thời gian lập kế hoạch, triển khai và đẩy nhanh tiến độ đưa dịch vụ của doanh nghiệp vào khai thác.
- **Chi phí hợp lý**
  Sử dụng vCF giúp giảm thiểu ngân sách đầu tư ban đầu, tiết kiệm thời gian triển khai. Khách hàng có thể lựa chọn không sở hữu thiết bị sau thời gian thuê, giúp doanh nghiệp không phải đầu tư tiền để mua mới và xây dựng hệ thống máy chủ vật lý tốn kém ngay từ ban đầu.
- **Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư giàu kinh nghiệm**
  Đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật 24/7 cùng lớp kỹ sư, chuyên gia giàu kinh nghiệm, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau giúp giải quyết các bài toán nhu cầu bảo mật của Khách hàng một cách toàn diện.